|  |  |
| --- | --- |
| BỘ Y TẾ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2023/TT-BYT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2017/TT-BYTngày 14 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với vật tư y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

*Căn cứ Luật bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 46/2014/QH13 ngày 13 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Bảo hiểm y tế, Bộ Y tế,*

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với vật tư y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế.

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với vật tư y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế (sau đây gọi tắt là Thông tư số 04/2017/TT-BYT)**

**1. Sửa đổi khoản 2 Điều 3 như sau:**

"2. Căn cứ thanh toán đối với vật tư y tế chưa được tính chi phí vào giá của dịch vụ kỹ thuật, khám bệnh, ngày giường điều trị hoặc thu trọn gói theo trường hợp bệnh như sau:

a) Số lượng vật tư y tế thực tế sử dụng cho người bệnh;

b) Giá vật tư y tế mua vào của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật về đấu thầu; đối với vật tư y tế có giá mua vào cao hơn mức thanh toán quy định tại cột 5 Danh mục vật tư y tế tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này, thì căn cứ theo mức thanh toán quy định tại cột 5 Danh mục vật tư y tế tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Điều kiện, tỷ lệ thanh toán, mức thanh toánquy định tại cột 5 Danh mục vật tư y tế tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Phạm vi và mức hưởng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế;

e) Mức thanh toán tổng chi phí vật tư y tế cho một lần sử dụng dịch vụ kỹ thuật không vượt quá 45 tháng lương cơ sở; không áp dụng quy định này đối với vật tư y tế có quy định tỷ lệ thanh toán tại cột 5 Danh mục vật tư y tế tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

g) Các đối tượng tham gia bảo hiểm y tế quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 và Điều 2 Nghị định số 70/2015/NĐ-CP của Chính phủ không áp dụng quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 3 Thông tư này và không áp dụng giới hạn tỷ lệ thanh toán của vật tư y tế quy định tại cột 5 Danh mục vật tư y tế tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

h) Đối với dịch vụ kỹ thuật đặt stent động mạch vành phải sử dụng nhiều hơn một stent phủ thuốc, mức thanh toán cho tổng chi phí vật tư y tế trong một lần sử dụng dịch vụ kỹ thuật thực hiện theo hướng dẫn thanh toán tại Điểm b Khoản 2 Điều này. Ngoài ra, quỹ bảo hiểm y tế thanh toán thêm một phần hai (1/2) chi phí đối với stent thứ ba theo giá mua vào của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng không cao hơn 18.000.000 đồng;

**2. Sửa đổi khoản 4 Điều 4 như sau:**

"4. Đối với các loại vật tư y tế có đơn vị tính là “bộ”:

Căn cứ thực tế nhu cầu chuyên môn, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh xây dựng kế hoạch đấu thầu, mua sắm vật tư y tế theo "bộ" hoặc các bộ phận của "bộ" để phù hợp với việc sử dụng tại đơn vị, tránh xảy ra lãng phí.

Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán vật tư y tế có đơn vị tính là "bộ" như sau:

a) Trường hợp sử dụng toàn bộ các bộ phận trong “bộ”, thanh toán trọn gói theo bộ;

b) Trường hợp sử dụng một hoặc một số bộ phận trong “bộ”:

- Thanh toán trọn gói theo bộ khi các bộ phận còn lại không thể sử dụng được. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thống kê các trường hợp không sử dụng được các bộ phận còn lại của vật tư y tế và thông báo bằng văn bản với cơ quan bảo hiểm xã hội;

- Trường hợp các bộ phận chưa sử dụng có thể sử dụng được trong trường hợp khác:

+ Đối với vật tư y tế có giá riêng lẻ của từng bộ phận trong “bộ”: Thanh toán theo giá từng bộ phận đã sử dụng;

+ Đối với vật tư y tế không có giá riêng lẻ cho từng bộ phận trong "bộ": Căn cứ vào giá mua vào của “bộ” và tính chất đặc thù của từng vật tư y tế, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thống kê số lượng các bộ phận đã sử dụng, chưa sử dụng và đề xuất phương án thanh toán, gửi cơ quan bảo hiểm xã hội để thống nhất.

**3. Sửa đổi khoản 3 Điều 7 như sau:**

"3. Đối với vật tư y tế có trong Danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BYT và các văn bản hướng dẫn Thông tư số 04/2017/TT-BYT nhưng có quy định điều kiện, tỷ lệ, mức thanh toán tại Thông tư này, quỹ bảo hiểm y tế thanh toán theo điều kiện, tỷ lệ, mức thanh toán quy định tại Thông tư này kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực."

**4. Sửa đổi, bổ sung Danh mục vật tư y tế tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BYT như sau:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **TT theo Thông tư 04** | **Mã số theo nhóm** | **Nhóm, loại vật tư y tế** | **Đơn vị tính** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| 1 | 31 | N02.04.050 | Vật liệu cầm máu các loại (sáp, bone, spongostan, floseal heamostatic, cellulose, gelatin, sáp cầm máu xương, bột cầm máu) | Miếng, thỏi, kit, bột, tuýp |
| 2 |  | N03.05.070 | Bộ đặt đường tuyền, dây dẫn, dây truyền hóa chất các loại, các cỡ | Cái |
| 3 |  | N04.03.130 | Bộ kết nối máy lọc màng bụng các loại, các cỡ | Cái |
| 4 | 130 | N05.03.040 | Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực) | Cái |
| 5 |  | N05.03.100 | Dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại | Cái |
| 6 |  | N05.03.110 | Dao siêu âm có dây (bao gồm tay dao, dây dao) | Cái |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| 7 |  | N05.03.120 | Dao siêu âm không dây (bao gồm tay dao, bộ phát năng lượng, pin, bộ sạc) | Cái |
| 8 | 146 | N06.02.040 | Stent động mạch chi loại thường các loại, các cỡ | Cái |
| 9 |  | N06.02.110 | Stent động mạch chi phủ thuốc các loại, các cỡ | Cái |
| 10 | 153 | N06.03.010 | Thủy tinh thể nhân tạo (IOL: Intraocular lens) các loại, các cỡ | Cái |
| 11 | 156 | N06.04.030 | Gân nhân tạo, gân sinh học, gân đồng loại các loại, các cỡ | Đoạn |
| 12 | 162 | N06.04.090 | Xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế xương các loại, các cỡ; xương nhân tạo các loại, các cỡ | Cái, đoạn, miếng, hạt |
| 13 | 174 | N06.06.080 | Màng nuôi, màng nuôi cấy, môi trường nuôi cấy, sản phẩm nuôi cấy các loại, các cỡ | Cái, miếng |
| 14 |  | N06.06.090 | Bộ điện cực kích thích não sâu điều trị Parkinson | Bộ |
| 15 |  | N06.06.100 | Bộ điện cực kích thích thần kinh tủy sống | Bộ |
| 16 | 201 | N07.01.270 | Dây dẫn hướng (guide wire), dây dẫn tín hiệu các loại, các cỡ; dụng cụ dẫn đường | Cái |
| 17 | 216 | N07.01.430 | Vật liệu nút mạch các loại, các cỡ | Miếng, thỏi, lọ |
| 18 |  | N07.01.510 | Bộ bẫy khí và hệ thống kết nối dùng trong hạ thân nhiệt chỉ huy | Bộ |
| 19 |  | N07.01.520 | Chăn hạ nhiệt | Cái |
| 20 |  | N07.01.530 | Bộ cảm biến đo huyết áp động mạch và bộ phận cảm biến nhiệt. bộ phận cảm nhận áp lực | Bộ |
| 21 | 228 | N07.02.050 | Quả lọc và hệ thống dây dẫn trong kỹ thuật hấp phụ phân tử liên tục các loại, các cỡ | Bộ |
| 22 | 235 | N07.03.040 | Chất nhầy, dung dịch hỗ trợ dùng trong phẫu thuật mắt các loại | Lọ, ống |
| 23 | 237 | N07.03.060 | Đầu cắt, bộ cắt dịch kính các loại, các cỡ; dầu silicon, đai silicon, ống silicon, laser nội nhãn, đầu laser | Bộ, cái |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| 24 | 250 | N07.03.200 | Nút silicon, ống silicon, đai silicon, tấm silicon, dầu nội nhãn dùng trong phẫu thuật mắt các loại, các cỡ | Cái, lọ |
| 25 | 252 | N07.03.220 | Vòng căng bao thủy tinh thể các loại, các cỡ, móc mống mắt | Cái |
| 26 | 254 | N07.03.240 | Máy dò thần kinh, điện cực của máy dò thần kinh các loại, các cỡ | Cái |
| 27 |  | N07.03.280 | Lưỡi cưa vi phẫu GC các loại, lưỡi cưa gập góc đủ cỡ, lưỡi cưa chuôi hình sao | Cái |
| 28 |  | N07.03.290 | Lưới Titan xương sọ não 74\*50mm dày 0,6mm, mesh sàn hốc mắt | Cái |
| 29 |  | N07.03.300 | Mũi khoan xương các loại | Cái |
| 30 |  | N07.03.310 | Giác mạc nhân tạo, bộ tiền phòng dùng trong ghép giác mạc các loại, các cỡ | Cái, bộ |
| 31 |  | N07.03.320 | VTYT sử dụng trong phẫu thuật điều trị bong võng mạc (các loại khí nở SF6, C2F6, C3F8) | Ml, lít |
| 32 |  | N07.03.330 | Khí nở nội nhãn các loại | Ml, lít |
| 33 | 268 | N07.05.020 | Bộ đặt dẫn lưu thận qua da các loại, các cỡ (bao gồm: Kim chọc, dây dẫn hướng, ống thông để nong, ống thông để đặt dẫn lưu ra ngoài), sonde và dây dẫn, stent niệu quản | Bộ |
| 34 | 279 | N07.06.030 | Bộ dụng cụ đổ xi măng các loại, các cỡ | Bộ |
| 35 |  | N07.06.100 | Nẹp vít có khóa | Cái |
| 36 |  | N07.06.110 | Phương tiện cố định, phương tiện kết hợp các loại, các cỡ | Cái |
| 37 | 297 | N08.00.080 | Bộ đặt dẫn lưu ổ dịch hoặc áp xe các loại, các cỡ, bộ dẫn lưu kín các loại | Bộ |
| 38 | 302 | N08.00.130 | Bộ đốt nhiệt điều trị khối u các loại, các cỡ | Bộ |
| 39 | 330 | N08.00.460 | Hạt vi cầu gắn đồng vị phóng xạ Y-90 (kèm theo hộp bảo vệ phóng xạ, bình chia liều, ống đựng liều chuẩn, dây dẫn, kim-bơm tiêm hạt phóng xạ chuyên dụng) | Bộ |
| 40 |  | N08.00.480 | Hạt phóng xạ I-125 | Bộ |
| 41 |  | N08.00.490 | Các vật liệu bơm, chất gây tắc | Lọ, tuýp |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| 42 |  | N08.00.500 | Nhiệt kế tự ghi và lưu dữ liệu (kho thuốc, tủ vắc xin), cân có thước đo chiều cao | Cái |
| 43 |  | N08.00.510 | Bình đựng khí oxy y tế, đầu đo khí oxy | Bình |
| 44 |  | N08.00.520 | Bộ quả loại thải CO2 màng ngoài cơ thể các loại, các cỡ (sử dụng trong liệu pháp đào thải CO2 màng ngoài cơ thể đơn lẻ hoặc phối hợp với lọc máu liên tục) | Bộ |
| 45 |  | N08.00.530 | Que gỗ lấy bệnh phẩm, bao cao su, sample cup, cuvett, sáp parafin, gel siêu âm, điện tim, dây thắt garrot | Cái, tuýp |
| 46 |  | N08.00.540 | Giấy y tế, giấy in sử dụng cho các máy xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, điện tim | Tấm, miếng |
| 47 |  | N08.00.550 | Bóng nong đường mật, tụy | Chiếc |
| 48 |  | N08.00.560 | Kính vi phẫu dùng trong Phẫu thuật vi phẫu lấy u tủy | Cái |
| 49 |  | N08.00.570 | Vật tư y tế dùng trong phòng chống dịch bệnh | Bộ, cái |

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2023.

**Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Trường hợp người tham giá bảo hiểm y tế vào viện trước ngày Thông tư này có hiệu lực và ra viện trong ngày hoặc sau ngày Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

2. Đối với vật tư y tế có trong Danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BYT và các văn bản hướng dẫn Thông tư số 04/2017/TT-BYT nhưng có quy định điều kiện, tỷ lệ, mức thanh toán tại Thông tư này, quỹ bảo hiểm y tế thanh toán theo điều kiện, tỷ lệ, mức thanh toán quy định tại Thông tư này kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

**Điều 4. Điều khoản tham chiếu**

Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong Thông tư này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc văn bản đã được sửa đổi, bổ sung đó.

**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng, Cục trưởng, Tổng cục trưởng các Vụ, Cục, Tổng cục thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng y tế ngành và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành các quy định tại Thông tư này.

2. Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổ chức thực hiện, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế và Thông tư này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề xuất sửa đổi, bổ sung đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Y tế (Vụ Bảo hiểm y tế) để xem xét, giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Văn phòng Chính phủ (Vụ KGVX; Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ);- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Vụ Pháp luật chung về xây dựng pháp luật);- Các Thứ trưởng (để phối hợp chỉ đạo);- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Kiểm toán Nhà nước;- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng;- Các BV, Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;- Cục Quân Y- BQP; Cục Y tế - BCA;Cục Y tế - Bộ GT - VT;- Y tế các bộ, ngành;- Các Vụ, Cục, Tổng cục, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ;- Cổng thông tin điện tử BYT;- Lưu: VT, BH (02), PC (02). | **KT. BỘ TRƯỞNGTHỨ TRƯỞNG****Trần Văn Thuấn** |